



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4786000		4786000	3515697	2012320	1503377	73.46		31.41
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	397748		397748	139525		139525	35.08		35.08
	Chi dân quân tự vệ	303472		303472	62390		62390	20.56		20.56
	Chi trật tự an toàn xã hội	94276		94276	77135		77135	81.82		81.82
1	Chi giáo dục				2012320	2012320				
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
	Chi y tế Dự phòng									
	Chi y tế khác									
4	Chi văn hóa, thông tin	21000		21000	13500		13500	64.29		64.29
5	Chi phát thanh, truyền thanh	54651		54651	16815		16815	30.77		30.77
6	Chi thể dục, thể thao	21000		21000	12000		12000	57.14		57.14
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	75920		75920	52360		52360	68.97		68.97

	Giao thông	20000		20000	25480		25480	127.4		127.4
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	55920		55920	26880		26880	48.07		48.07
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3862217		3862217	1188758		1188758	30.78		30.78
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
	Trong đó: Quỹ lương				533195		533195			
	Quản lý Nhà nước	2451648		2451648	745056		745056	30.39		30.39
	Hội Đồng Nhân dân xã	371387		371387	64774		64774	17.44		17.44
	Ủy ban nhân dân xã	2080261		2080261	680282		680282	32.7		32.7
	Đảng Cộng sản Việt Nam	651958		651958	181892		181892	27.9		27.9
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	236668		236668	95940		95940	40.54		40.54
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	134022		134022	28637		28637	21.37		21.37
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	102280		102280	35012		35012	34.23		34.23
	Hội Cựu chiến binh	106179		106179	33480		33480	31.53		31.53
	Hội Nông dân	101376		101376	35085		35085	34.61		34.61
	Chi các hiệp hội khác	78086		78086	33656		33656	43.1		43.1
	Hội Chữ thập đỏ	17598		17598	3670		3670	20.86		20.86
	Hội người cao tuổi	16622		16622	12906		12906	77.64		77.64

